

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 22-4-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Phong Hiếu;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Thế Ứng**
2. Ông **Trần Văn Tám.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Tín** – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liễu.**

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 240/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị B**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp C, xã Q, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

** Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp C, xã Q, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

(Chị B có mặt; Anh G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị B:**

Do mai mối và được sự đồng ý của hai bên gia đình, anh chị quyết định tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1993, sau đó đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang

(nay là thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 268, quyền số 02 vào ngày 09/12/2022.

Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc và có với nhau 03 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1994; Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Cẩm P, sinh ngày 20/10/2006. Khoảng năm 2018, thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách, anh G không quan tâm chăm sóc vợ con mà còn thường xuyên đi uống rượu và về nhà gây gổ với chị, làm cho đời sống vợ chồng không có hạnh phúc.

Chị đã nhiều lần cố gắng tìm cách hàn gắn tình cảm với anh G để cùng chăm lo cho con nhưng không thành và anh G vẫn không thay đổi tính tình nên chị và anh G đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị B yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị B yêu cầu ly hôn với anh G.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1994; Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Cẩm P, sinh ngày 20/10/2006.

Con chung Nguyễn Thị Cẩm N và Nguyễn Hoàng T hiện đã thành niên nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Khi ly hôn, chị B yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu P; chị B không có yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Văn G đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.**

*** Kết quả phiên họp về chứng cứ và hòa giải như sau:**

- Nguyên đơn chị Lê Thị B: Giữ nguyên toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có sửa đổi, bổ sung gì khác.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn G:

+ Đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, tài liệu và chứng cứ trong hồ sơ vụ án;

+ Đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp về chứng cứ vắng mặt anh G và vụ án không tiến hành hòa giải được.

+ Anh G không có yêu cầu phản tố, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và không giao nộp tài liệu, chứng cứ tại phiên họp chứng cứ.

*** Tại phiên toà:**

- Chị B giữ nguyên các yêu cầu khác chỉ thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với việc nuôi con chung, cụ thể: Chị B đồng ý giao cháu Phụng cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay cháu P đã về nhà anh G để ở, không còn sống chung với chị; Chị B không cấp dưỡng nuôi con.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát**

biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã tiến hành theo đúng trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử cũng như là trình tự, thủ tục tại phiên toà. Viện kiểm sát không có kiến nghị gì về vi phạm thủ tục tố tụng.

- Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ cũng như lời trình bày của các đương sự thể hiện:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị B và anh Nguyễn Văn G có mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và không thể hàn gắn được nên xét thấy cần cho chị B ly hôn với anh G;

+ Về con chung: Con chung Nguyễn Thị Cẩm N và Nguyễn Hoàng T hiện đã thành niên nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Cháu P hiện đang sống với anh G, chị B tự nguyện giao con cho anh G nuôi dưỡng và chị B không cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh G không có ý kiến gì về tài sản chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày của những người tham gia tố tụng. Toà án đi tới những nhận định về vụ án như sau.

**** Về thủ tục tố tụng:***

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Lê Thị B và anh Nguyễn Văn G có đăng ký kết hôn. Chị B yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh G nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn G cư trú tại địa bàn thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thụ lý và giải quyết theo đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn G: Anh G đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng

hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị B yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

[3.1] Chị Lê Thị B và anh Nguyễn Văn G tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng khi đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Quý, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (nay là thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 268, quyền số 02 ngày 09/12/2022 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Chị B cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do không hợp nhau về tính cách, anh G không quan tâm chăm sóc vợ con mà còn thường xuyên đi uống rượu và về nhà gây gổ với chị, làm cho đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị B đã nhiều lần cố gắng nhẫn nhịn và tìm cách hàn gắn nhưng anh G vẫn không thay đổi nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay.

Tại Biên bản xác minh ngày 16/11/2021, chính quyền địa phương cho biết anh G thường xuyên ăn nhậu, khi say xỉn về nhà thì gây gổ với vợ con.

[3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có văn bản gì thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị B, cũng như không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

[3.4] Từ các vấn đề nêu trên có thể nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị B và anh G là có tồn tại nhưng anh G không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tình cảm giữa anh G và chị B không còn, dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị B yêu cầu được ly hôn với anh G là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị B và anh G có với nhau 03 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1994; Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Cẩm P, sinh ngày 20/10/2006. Con chung Nguyễn Thị Cẩm N và Nguyễn Hoàng T hiện đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Khi ly hôn, chị B đồng ý để anh G trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và chị B không cấp dưỡng nuôi con.

[4.1] Anh G vắng mặt và không có văn bản gì thể hiện ý kiến đối với yêu cầu nuôi con chung. Tuy nhiên, chị B trình bày hiện nay cháu P đang sống với anh G và chị B tự nguyện để cháu P tiếp tục sống chung với anh G, chị B không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của chị B không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.2] Khi nuôi con, nếu anh G có tranh chấp với chị B về vấn đề cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[5] Về tài sản chung:

[5.1] Chị Lê Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Văn G không có văn bản gì thể hiện ý kiến đối với tài sản chung vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và giải quyết.

[5.2] Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[6] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị B.

[8] Chị Lê Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

2. Về con chung:

- Giao con chung tên Nguyễn Thị Cẩm P, sinh ngày 20/10/2006 cho anh Nguyễn Văn G trực tiếp nuôi dưỡng và chị Lê Thị B không cấp dưỡng nuôi con;

- Chị Lê Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị B phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng; nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002088 ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên chị B đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã Q, thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Phong Hiếu